

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 21-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1995 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đăng G, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 01/10/2024 đến ngày 08/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/01/2025 đến ngày 11/02/2025. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1994 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 05/10/2024 đến ngày 08/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn

cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/01/2025 đến ngày 11/02/2025. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 75, đường Đào Sư Tích, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Chu Văn H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đăng K- sinh năm 1995, trú tại thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang có bác là bà Nguyễn Thị Minh N- sinh năm 1964, trú tại số nhà G, đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (bà N là chị gái ruột mẹ của K). Ngày 10/6/2024, bà N có làm hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 1105, Tầng A, Tòa 18 tầng Chung cư Q (gọi tắt là Căn hộ số 1105- Chung cư Q) thuộc khu dân cư S, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của chị Vũ Thị H2- sinh năm 1974, trú tại số nhà A, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với số tiền 1.380.000.000 đồng. Sau khi thanh toán xong tiền, chị H2 đã giao cho bà N căn hộ số 1105 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP440657 đăng ký mang tên Vũ Thị H2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2021 có nội dung: Thửa đất số: 50; Tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ thửa đất: Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Diện tích: 4263,0m²; Hình thức sử dụng: sử dụng chung; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT); Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Nhà ở: Loại nhà ở: Căn hộ chung cư S; Tên nhà chung cư : T tầng C; Diện tích sàn: 69,9m²; Hình thức: Sở hữu riêng; chị H2 và bà N chưa làm thủ tục đăng ký đổi chủ sở hữu quyền sử dụng căn hộ cho bà N vì căn hộ là nhà ở xã hội do chị H2 mua năm 2021 nên chưa đủ thời gian theo quy định. Quá trình mua bán căn hộ, K đi cùng để giúp bà N làm các thủ tục mua bán nên K dùng điện thoại di động chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Căn hộ số 1105- Chung cư Q. Sau khi nhận căn hộ, bà N giao cho K quản lý, sử dụng còn bà N vẫn sinh sống tại nhà riêng ở số nhà G, đường Đ, phường H, thành phố B. Do cần tiền để đầu tư kinh doanh nên khoảng 19 giờ ngày 18/9/2024, K gọi điện thoại qua ứng dụng zalo bằng tài khoản có tên “Nguyễn Đăng K” có số điện thoại đăng ký 0352.666.662 đến tài khoản zalo “Thấu Minh P” có số điện thoại đăng ký 0369.595.596 của Trần Văn H- sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang thuê ở trọ tại số nhà D,

ngõ A, phố T, quận H, thành phố Hà Nội (H là bạn học cùng Trường Trung học phổ thông L1 số 3, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang với K) để hỏi H tìm chỗ vay tiền. H nói với K để vay tiền cần có tài sản thế chấp thì K cho biết căn hộ số 1105- Chung cư Q là của K nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đăng ký tên người khác do căn hộ là nhà ở xã hội chưa đủ thời gian đăng ký sang tên theo quy định. Do đó, K nhờ H tìm người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ số 1105- Chung cư Q để mang đi thế chấp làm thủ tục vay tiền. H tìm kiếm trên Internet thì thấy có bài đăng về dịch vụ “Làm sổ đỏ nhanh” và có gắn số điện thoại liên hệ (H không nhớ và không lưu danh bạ số điện thoại trên), H vào mạng xã hội zalo và nhập số điện thoại nêu trên vào mục tìm kiếm thì tìm được tài khoản có tên “Nhật Minh” nên H đã kết bạn để liên lạc. H gọi điện qua ứng dụng zalo cho “Nhật Minh” và hỏi về việc đặt làm “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả” thì được “Nhật Minh” thông báo chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 8.500.000 đồng. Khoảng 17 giờ ngày 19/9/2024, H gọi cho K và thông báo “Có chỗ làm được sổ đỏ giả” và yêu cầu K chuyển khoản cho H số tiền 18.000.000 đồng (trong đó: H vay của K 5.000.000 đồng, chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để trả cho “Nhật Minh” là 8.500.000 đồng, H thu tiền công làm sổ đỏ 4.500.000 đồng) thì K đồng ý và dùng ứng dụng ngân hàng trên điện thoại di động đăng nhập vào tài khoản số 22888797979 của Ngân hàng Q (M1) đăng ký mang tên Nguyễn Đăng K chuyển số tiền 18.000.000 đồng vào tài khoản số 19034536525011 của Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 (T2) đăng ký mang tên Trần Văn H của H. Sau khi nhận được tiền, H yêu cầu K gửi ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn hộ số 1105- Chung cư Q qua ứng dụng zalo cho H để lấy thông tin chuyển cho “Nhật M” làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời H gọi cho “Nhật Minh” và hỏi cách thanh toán tiền thì “Nhật Minh” bảo H buổi chiều ngày 20/9/2024 đến khu vực gầm cầu T thuộc phường L, quận H, thành phố Hà Nội để giao tiền. Khoảng 18 giờ ngày 20/9/2024, H đi đến khu vực gầm cầu T như đã hẹn và H gặp một người đàn ông không quen biết đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, người đàn ông nói “Lấy đồ cho Nhật M” thì H đưa cho người đàn ông trên 01 phong bì đựng số tiền 8.500.000 đồng rồi đi về phòng trọ. Sau khi về phòng trọ, H gửi ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn hộ số 1105- Chung cư Q mà K đã gửi cho H qua ứng dụng zalo cho “Nhật Minh” và đưa số điện thoại của K cho “Nhật Minh” để trực tiếp liên lạc với K. Khoảng 16 giờ ngày 21/9/2024, tài khoản zalo có tên “Nhật M” kết bạn với tài khoản zalo của Nguyễn Đăng K; sau đó tài khoản “Nhật Minh” gọi điện cho K và thông báo với K chi phí để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 85.000.000 đồng thì K đồng ý và thỏa thuận sẽ thanh toán trước 80.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào nhận được Giấy chứng

nhận quyền sở hữu đất giả sẽ thanh toán sau và “Nhật Minh” hẹn K buổi chiều ngày 22/9/2024 đến khu vực gầm cầu T thuộc phường L, quận H, thành phố Hà Nội để giao tiền. Khoảng 16 giờ ngày 22/9/2024, Nguyễn Đăng K điều khiển xe ô tô nhãn hiệu MG, biển kiểm soát 98A- 778.32 từ Chung cư Q đến khu vực gầm cầu T, đến nơi, K gọi điện qua zalo cho “Nhật M” để thông báo đã đến điểm hẹn và cho “Nhật M” biết K đi xe ô tô biển kiểm soát 98A- 778.32. Khoảng 05 phút sau, một người đàn ông không quen biết đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang đến gõ cửa kính xe ô tô của K, K hạ kính xe ô tô xuống thì người này nói với K “lấy đồ cho Nhật M”, K đưa cho người này 01 túi giấy bên trong chứa số tiền 80.000.000 đồng sau đó điều khiển xe về Bắc Giang. Đến khoảng 15 giờ ngày 23/9/2024, “Nhật Minh” gửi 01 bưu phẩm đựng Giấy chứng nhận giả qua dịch vụ giao hàng đến phòng trọ của H, ngay sau đó, H gửi Giấy chứng nhận giả về cho K. K kiểm tra thì thấy trên Giấy chứng nhận ghi sai thông tin chủ sở hữu là “Nguyễn Văn K1” và phần sơ đồ căn hộ không giống với giấy chứng nhận gốc nên đã thông báo lại cho H để bảo “Nhật Minh” làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác. H bảo K1 hủy Giấy chứng nhận sai thông tin và yêu cầu K1 gửi lại ảnh sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn hộ số 1105- Chung cư Q cho H vì ảnh trước đó K1 gửi bị mờ, dẫn đến làm giả Giấy chứng nhận chưa đúng thông tin. Lúc này, K1 không có hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẵn trong máy nên K1 đến nhà bà N để xin chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất của căn hộ số 1105- Chung cư Q, K1 nói dối bà N với lý do cần chụp ảnh phần sơ đồ căn hộ để làm thủ tục phòng cháy, chữa cháy nên bà N đã tin tưởng và đồng ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho K1 mượn chụp hình ảnh. Sau khi chụp ảnh xong, K1 đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N cất giữ; rồi gửi ảnh qua zalo cho H; H đã gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “Nhật Minh” để làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho K1. Buổi sáng ngày 24/9/2024, “Nhật Minh” gọi cho K1 và yêu cầu K1 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (trong đó, chi phí làm lại Giấy chứng nhận giả là 15.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng K1 chưa thanh toán trước đó). Sau khi trao đổi, K1 và “Nhật Minh” thỏa thuận K1 phải thanh toán số tiền 17.000.000 đồng cho “Nhật Minh”. Khoảng 15 giờ ngày 24/9/2024, K1 tiếp tục điều khiển xe ô tô đến khu vực gầm cầu T và giao số tiền 17.000.000 đồng cho người đàn ông không quen biết như lần giao tiền trước rồi quay về Bắc Giang. Buổi chiều 26/9/2024, K1 gọi cho “Nhật Minh” đề nghị đẩy nhanh tiến độ làm Giấy chứng nhận giả, “Nhật Minh” cho biết nếu muốn lấy Giấy chứng nhận sớm thì phải chịu thêm chi phí làm nhanh số tiền 8.000.000 đồng thì K1 đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 27/9/2024, K1 tiếp tục điều khiển xe ô tô đến khu vực gầm cầu T và giao số tiền 8.000.000 đồng cho người đàn ông không quen biết như những lần giao tiền trước rồi quay về Bắc Giang. Ngày 29/9/2024, “Nhật Minh” gửi 01 bưu phẩm chứa Giấy chứng nhận giả sau khi đã làm lại đến phòng trọ của H, H thông báo cho K1 biết

đã nhận được Giấy chứng nhận giả nên buổi sáng ngày 30/9/2024, K1 đã gọi xe dịch vụ tuyến Hà Nội- Bắc Giang của anh Vũ Mạnh C- sinh năm 1990, trú tại Tổ 11a, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn và bảo H gửi 01 bưu phẩm chứa Giấy chứng nhận giả qua xe của anh C về cho K1. Khoảng 09 giờ cùng ngày 30/9/2024, khi K1 đang ở Chung cư Q thì nhận được cuộc gọi điện thoại từ số điện thoại 0833.745.745 của anh Vũ Mạnh C thông báo đến giao hàng, K1 xuống lấy hàng và nhận được 01 bọc giấy dán kín bên trong có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 đăng ký mang tên Nguyễn Đăng K- sinh năm 1995, CCCD số: 024095002830, địa chỉ thường trú: thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B cấp ngày 11/6/2024 có chữ ký của giám đốc “Trần Quang B” và có hình con dấu “Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP .” có nội dung: Thửa đất số: 50; Tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ: phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Diện tích: 4263,0m²; Hình thức sử dụng: sử dụng chung; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Nhà ở Loại nhà ở: Căn hộ chung cư S; Tên nhà chung cư: Tòa nhà 18 tầng Chung cư Q; Diện tích sàn: 69,9; Hình thức: Sở hữu riêng. K thanh toán cước phí vận chuyển số tiền 150.000 đồng cho anh C. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà giả, ngày 30/9/2024, K có gọi điện thoại cho anh Chu Văn H1- sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang là bạn bè quen biết xã hội và nói với anh H1 là muốn vay số tiền 800.000.000 đồng và có căn hộ số 1105- Chung cư Q để làm tài sản thế chấp nên khoảng 15 giờ cùng ngày 30/9/2024, anh H1 đến xem căn hộ, sau khi xem xong anh H1 đồng ý cho K vay số tiền trên. Anh H1 và K thỏa thuận sẽ làm hồ sơ bán căn hộ chung cư của K cho anh H1 với số tiền 1.400.000.000 đồng, khi nào K trả lại tiền vay thì làm hợp đồng bán lại căn hộ từ anh H1 cho anh K, đồng thời hẹn nhau ngày 01/10/2024 đi công chứng hợp đồng mua bán, sau khi công chứng xong anh H1 sẽ đưa số tiền 800.000.000 đồng cho K vay. Khoảng 08 giờ ngày 01/10/2024, K và anh H1 cùng đi đến Văn phòng C1 ở tổ dân phố số B, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để làm thủ tục công chứng hợp đồng mua bán căn hộ số 1105- Chung cư Q. Tại đây, K cung cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 đăng ký mang tên Nguyễn Đăng K- sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang giả đổi với căn hộ số A, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, căn cước công dân đều đứng tên Nguyễn Đăng K cho Văn phòng C1 để làm thủ tục. Sau đó, công chứng viên soạn thảo Hợp đồng mua bán căn hộ giữa K và anh H1 rồi đưa cho anh H1 và K đọc hợp đồng thấy đúng những nội dung cần thiết nên đã nhờ công chứng viên in ra 05 bản và để thực hiện ký vào hợp đồng mua bán căn hộ (hợp đồng chưa có xác nhận của văn phòng công chứng). Quá trình làm thủ tục công chứng, Văn phòng C1 phát hiện

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất K cung cấp nghi là giả nên đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V.

Khi anh H1 và K đang ký vào các bản hợp đồng mua bán căn hộ, Cơ quan điều tra đã đến Văn phòng C1 làm việc, thu giữ gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 đối với căn hộ S, Tòa nhà 18 tầng, Chung cư Q thuộc khu dân cư S, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đăng ký mang tên chủ sở hữu Nguyễn Đăng K- sinh năm 1995, trú tại thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B cấp ngày 11/6/2024 có chữ ký của giám đốc “Trần Quang B” và có hình con dấu “Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP .” được đánh số (ký hiệu A); 05 hợp đồng mua bán căn hộ (trong đó 02 bản hợp đồng đã có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đăng K và anh Chu Văn H1); 01 Giấy xác định tình trạng hôn nhân của Nguyễn Đăng K; 01 Căn cước công dân số 024095002830 mang tên Nguyễn Đăng K; 01 căn cước công dân số 024087001647 mang tên Chu Văn H1 và đưa K cùng anh H1 về trụ sở làm việc. Tại đây, Nguyễn Đăng K có đơn xin đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số I: 355281434430564.

Ngày 05/10/2024, Trần Văn H đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như nội dung vụ án. Quá trình đầu thú H giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Poco X3Pro màu đen có số Imei 1: 869614057450148, Imei 2: 869614057450155 đã qua sử dụng. (Ngày 06/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đăng K và Trần Văn H. Kết quả không thu giữ được đồ vật liên quan đến vụ án.

Ngày 01/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định chữ ký của ông Trần Văn B1 và con dấu đóng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K có phải chữ ký của ông B1, con dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B không và đề nghị cung cấp chữ ký của ông Trần Văn B1 và mẫu con dấu đang sử dụng. Kết quả Căn hộ số 1105- Chung cư Q được cấp cho bà Vũ Thị H2- sinh năm 1974, trú tại Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2021; chữ ký dưới mục “Giám đốc” và hình tròn con dấu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K không phải chữ ký của ông Trần Quang B- Giám đốc của Chi nhánh V ký ra và không phải hình con dấu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đăng ký, sử dụng; theo hệ thống lưu trữ: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/6/2024

cho Nguyễn Đăng K và cung cấp mẫu chữ ký của ông Trần Văn B1; mẫu con dấu đăng ký, sử dụng, được đánh số (ký hiệu M1, M2) để phục vụ công tác giám định.

Ngày 02/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V mượn 01 mẫu phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (phôi GCN in hồng) được đánh số (ký hiệu M1) để phục vụ công tác giám định.

Ngày 02/10/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu Phòng K3- Công an tỉnh B giám định tài liệu, hình dấu, chữ ký trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 đối với căn hộ S, Tòa nhà 18 tầng, Chung cư Q thuộc khu dân cư S, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đăng ký mang tên Nguyễn Đăng K- sinh năm 1995, trú tại thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B cấp ngày 11/6/2024 có chữ ký của giám đốc “Trần Quang B” và có hình con dấu “Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP .” là thật hay giả. Tại Kết luận giám định số 2139/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K3- Công an tỉnh B kết luận: Phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DB440657 (Ký hiệu A) **là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu**. Hình dấu tròn có nội dung “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP .” dưới mục “Văn phòng đăng ký đất đai- tỉnh Bắc Giang- Giám đốc” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) **là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu**. Chữ ký mang tên Trần Quang B dưới mục “Văn phòng đăng ký đất đai- tỉnh Bắc Giang- Giám đốc” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký của ông Trần Quang B (Ký hiệu M2) **không phải do cùng một người ký ra**.

Ngày 01/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của Nguyễn Đăng K, kết quả: Tại ứng dụng Zalo có đăng nhập tài khoản “Nguyễn Đăng K” đăng ký bằng số điện thoại 0352.666.662 có kết bạn với tài khoản mang tên “A P1” được đăng ký bằng số điện thoại 0369.595.596 của bị cáo Trần Văn H; tại ứng dụng ảnh có 04 hình ảnh, chụp ảnh sơ đồ thửa đất và tài sản gắn liền với đất của căn hộ số 1105 Chung cư Q.

Ngày 05/10/2024, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của Trần Văn H, kết quả: Tại ứng dụng Zalo có đăng nhập tài khoản “Thấu Minh P” đăng ký bằng số điện thoại 0369.595.596 kết bạn với tài khoản có tên “Nguyễn Đăng K” của bị cáo K và tài khoản “Nhật Minh”.

Kết quả sao kê giao dịch do Ngân hàng M1- Chi nhánh B2 và Ngân hàng T2- Chi nhánh B2 cung cấp xác định, ngày 18/9/2024, tài khoản số 22888797979 Ngân hàng M1 đăng ký mang tên Nguyễn Đăng K có thực hiện giao dịch chuyển khoản số tiền 18.000.000 đồng đến tài khoản số 1903453625011 Ngân hàng T2 đăng ký mang tên Trần Văn H với nội dung “ck giao to”.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Minh N xác định: Ngày 10/6/2024, bà N mua căn hộ chung cư S, Tòa nhà A tầng, Chung cư Q thuộc khu dân cư S, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của chị Vũ Thị H2- sinh năm 1974, trú tại số nhà A, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với số tiền 1.380.000.000 đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP440657 đăng ký mang tên Vũ Thị H2 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2021 bà N đang giữ, quản lý, không bán cho ai và cung cấp các giấy tờ liên quan cho Cơ quan điều tra đối chiếu, phục vụ công tác điều tra.

Đối với người làm giấy tờ giả sử dụng tài khoản Zalo có tên “Nhật Minh”, Cơ quan điều tra đã tiến hành sử dụng tài khoản Zalo của bị cáo Nguyễn Đăng K và Trần Văn H để liên lạc nhưng không liên lạc được, đồng thời cho các bị cáo nhận diện ảnh đại diện của tài khoản “Nhật Minh”. Kết quả bị cáo K và H xác định người trong ảnh của tài khoản “Nhật Minh” và người đàn ông nhận tiền tại khu vực găm cầu T không phải cùng một người; các bị cáo đều không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý. Đối với anh Vũ Mạnh C là người làm dịch vụ vận tải, anh C chỉ nhận giao hàng theo yêu cầu, không biết bưu phẩm Trần Văn H gửi cho Nguyễn Đăng K là Giấy chứng nhận giả; bà Nguyễn Thị Minh N và anh Chu Văn H1 đều không biết Nguyễn Đăng K sử dụng Giấy chứng nhận giả nên anh C, bà N và anh H1 không vi phạm pháp luật nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V không xem xét xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K là giấy tờ giả nên Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Đăng K và 01 căn cước công dân mang tên Chu Văn H1 là giấy tờ cá nhân của K và anh H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho K và anh H1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím do Nguyễn Đăng K giao nộp và 01 điện thoại Xiaomi Poco X3Pro màu đen do Trần Văn H giao nộp là phương tiện K và H sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đăng K và Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 07/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo K: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

- Đối với bị cáo H: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

* *Về vật chứng:* Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:*

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím;

+ 01 (một) điện thoại Xiaomi Poco X3Pro màu đen.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2025 giữa Công an thị xã V và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

- *Truy thu* bị cáo Trần Văn H số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- *Lưu trong hồ sơ vụ án* 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K. (Vật chứng đã lưu giữ tại bút lục số 51 trong hồ sơ vụ án).

* *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Nguyễn Đăng K, Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo K: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo H: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 18/9/2024 đến ngày 30/9/2024, Nguyễn Đăng K đã nhờ Trần Văn H liên hệ với đối tượng sử dụng tài khoản zalo có tên “Nhật M” và đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 đối với căn hộ S, Tòa nhà 18 tầng, Chung cư Q thuộc khu dân cư S, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cho Nguyễn Đăng K mục đích để làm thủ tục thế chấp căn hộ số 1105 vay tiền đầu tư kinh doanh. H được hưởng lợi từ K số tiền 4.500.000 đồng. Ngày 01/10/2024, Nguyễn Đăng K đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên để làm thủ tục chuyển nhượng căn hộ S Chung cư Q cho anh Chu Văn H1 mục đích để thế chấp vay số tiền 800.000.000 đồng của anh Chu Văn H1- sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nhưng chưa hoàn thiện thủ tục công chứng, chưa nhận được tiền của anh H1 thì bị Văn phòng C1 phát hiện, trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V theo quy định.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đăng K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; hành vi của Trần Văn H đã cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Vì vậy, Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 07/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không cố ý cùng thực hiện một tội phạm, không có sự bàn bạc thống nhất, phân công nhiệm vụ từ trước nên trong vụ án này không có đồng phạm.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan

Nhà nước trong quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo K có việc làm và có thu nhập ổn định, có tài sản; bị cáo Trần Văn H phạm tội vì mục đích vụ lợi nên HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với người làm giấy tờ giả sử dụng tài khoản Zalo có tên “Nhật Minh”: Cơ quan điều tra đã tiến hành sử dụng tài khoản Zalo của bị cáo Nguyễn Đăng K và Trần Văn H để liên lạc nhưng không liên lạc được, đồng thời cho các bị cáo nhận diện ảnh đại diện của tài khoản “Nhật Minh”. Kết quả bị cáo K và H xác định người trong ảnh của tài khoản zalo “Nhật Minh” và người đàn ông nhận tiền tại khu vực gầm cầu T của các bị cáo không phải cùng một người; các bị cáo đều không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra tách tài

liệu liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý. Do vậy HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Đối với anh Vũ Mạnh C: Anh C là người làm dịch vụ vận tải, anh C chỉ nhận giao hàng theo yêu cầu, không biết bưu phẩm Trần Văn H gửi cho Nguyễn Đăng K là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên hành vi của anh C không vi phạm pháp luật, HĐXX không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Minh N và anh Chu Văn H1 đều không biết Nguyễn Đăng K sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên anh bà N và anh H1 không phạm tội, HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím do Nguyễn Đăng K giao nộp và 01 điện thoại Xiaomi Poco X3Pro màu đen do Trần Văn H giao nộp là phương tiện K và H sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K được xác định là tài liệu giả, đã được thu thập lưu trữ kèm theo trong hồ sơ vụ án. Đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX thấy cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Đăng K và 01 căn cước công dân mang tên Chu Văn H1 là giấy tờ cá nhân của K và anh H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho K và anh H1 là có căn cứ, HĐXX không xem xét.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xác định bị cáo Trần Văn H đã được hưởng lợi số tiền 4.500.000 đồng từ việc làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Do vậy cần truy thu của bị cáo Trần Văn H số tiền 4.500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Nguyễn Đăng K và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 08 (tám) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 8.000.000đ (tám triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 08 (tám) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 8.000.000đ (tám triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng K cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn H cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- + 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím;
- + 01 (một) điện thoại Xiaomi Poco X3Pro màu đen.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2025 giữa Công an thị xã V và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

- **Truy thu** bị cáo Trần Văn H số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- **Lưu trong hồ sơ vụ án** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB440657 mang tên Nguyễn Đăng K. (Vật chứng đã lưu giữ tại bút lục số 51 trong hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Đăng K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Linh Chi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Kim

Nguyễn Thị Lại

Nguyễn Linh Chi

